

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel: +84 (28) 3859 4168 Fax: +84 (28) 3859 2285
Email: contact@vietvalues.com Website: www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH - RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 35
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	36
8. Phụ lục số 02 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	37



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 23 ngày 15 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 367.443.990.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HAX theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trụ sở hoạt động• **Trụ sở chính**

Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : + 84 (28) 3 5120 026

Fax : + 84 (28) 3 5120 025

Mã số thuế : 0 3 0 2 0 0 0 1 2 6

• **Thông tin về chi nhánh**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
01	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
02	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
03	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

• **Thông tin về Công ty con**

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
2.	Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	94,38%	94,38%	94,38%	92,72%	92,72%	92,72%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	28/03/2020	
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	28/03/2016	28/03/2020
Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	28/03/2020	-
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	09/04/2016	-
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	23/03/2019	-
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	28/03/2016	-

4.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06/05/2013	-
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2013	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng Giám đốc	02/10/2018	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	20/02/2020	-
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	15/04/2017	20/02/2020

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06/05/2013	-

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho năm tài chính kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 07 đến trang 37.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng).
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng)

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng quản trị



VŨ THỊ HẠNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021.

Số: 2033/21/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2021, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) và Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Công ty của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



A blue ink signature of Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0967-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2849-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

030
TRÁCH
KIỂM T
CH
V.S.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (riêng)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		911.546.523.131	1.301.504.702.231
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	70.641.802.155	102.607.210.008
111	1. Tiền		70.641.802.155	102.607.210.008
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		299.798.018.163	478.645.669.286
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	144.135.706.056	294.330.565.212
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3a	4.900.457.231	2.301.417.502
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	151.437.974.531	182.689.806.227
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(676.119.655)	(676.119.655)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	535.557.721.972	705.618.644.163
141	1. Hàng tồn kho		536.608.313.342	706.669.235.533
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.050.591.370)	(1.050.591.370)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.548.980.841	14.633.178.774
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	5.197.084.800	3.966.546.339
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		137.162.299	10.374.967.087
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	214.733.742	291.665.348
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		297.544.632.801	314.525.698.833
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.355.736.350	5.243.672.058
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	V.3b	4.332.000.080	5.235.672.058
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.4b	23.736.270	8.000.000
220	II. Tài sản cố định		164.133.252.801	197.189.111.826
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	151.185.737.504	183.525.051.888
222	- Nguyên giá		226.651.315.254	249.075.164.480
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(75.465.577.750)	(65.550.112.592)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	12.947.515.297	13.664.059.938
228	- Nguyên giá		17.781.776.169	17.483.776.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.834.260.872)	(3.819.716.231)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.825.892.859	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		14.825.892.859	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.10	110.951.130.786	108.494.176.833
251	1. Đầu tư vào công ty con		129.336.909.500	128.637.839.500
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(18.385.778.714)	(20.143.662.667)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.278.620.005	3.598.738.116
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	3.278.620.005	3.598.738.116
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		1.209.091.155.932	1.616.030.401.064

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		652.505.007.092	1.130.367.484.933
310	I. Nợ ngắn hạn		652.505.007.092	1.130.367.484.933
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	38.120.455.491	110.185.382.009
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	71.020.437.695	72.886.775.365
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	23.822.730.820	2.564.836.692
314	4. Phải trả người lao động	V.14	17.273.764.225	7.777.621.114
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	6.209.654.881	2.193.234.780
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	5.082.088.389	3.245.474.904
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	490.975.875.591	931.514.160.069
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D- VỐN CHỦ SỞ HỮU		556.586.148.840	485.662.916.131
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	556.586.148.840	485.662.916.131
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		367.443.990.000	367.443.990.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		367.443.990.000	367.443.990.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(30.000.000)	(30.000.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.234.667.764)	(2.234.667.764)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		191.406.826.604	120.483.593.895
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		65.568.400.395	62.622.107.384
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		125.838.426.209	57.861.486.511
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		1.209.091.155.932	1.616.030.401.064

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2021.



Tổng Giám Đốc



ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	5.538.644.205.278	5.225.632.380.486
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.538.644.205.278	5.225.632.380.486
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	5.221.305.068.603	5.027.536.079.005
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		317.339.136.675	198.096.301.481
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.771.553.530	264.419.158
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	38.750.524.054	57.597.470.592
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		40.432.501.647	54.971.252.329
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	110.255.875.626	112.689.553.088
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	41.712.495.584	40.908.056.706
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		129.391.794.941	(12.834.359.747)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	28.297.649.247	85.524.865.986
32	12. Chi phí khác		222.895.910	220.715.729
40	13. Lợi nhuận khác		28.074.753.337	85.304.150.257
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		157.466.548.278	72.469.790.510
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	31.628.122.069	14.608.303.999
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		125.838.426.209	57.861.486.511

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 Tháng 02 năm 2021.

Tổng Giám Đốc



ĐỖ TIẾN DŨNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		157.466.548.278	72.469.790.510
	2. Điều chỉnh các khoản		50.936.091.594	76.188.071.737
02	- Khấu hao tài sản cố định	V.8,V.9	26.580.148.718	27.816.891.936
03	- Các khoản dự phòng		(1.757.883.953)	3.669.893.477
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3,VI.7	(14.318.674.818)	(10.269.966.005)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	40.432.501.647	54.971.252.329
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		208.402.639.872	148.657.862.247
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		190.050.323.231	293.178.944.873
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		170.060.922.191	(125.587.812.561)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(45.670.695.592)	(127.689.940.899)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(910.420.350)	(728.490.920)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(40.432.501.647)	(54.971.252.329)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(23.669.993.840)	(21.574.752.523)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		457.830.273.865	111.284.557.888
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(324.518.683.356)	(389.412.008.251)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7	329.992.054.548	377.173.636.368
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(699.070.000)	(11.681.130.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		495.121.068	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.269.422.260	(23.919.501.883)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	V.18.1	-	17.310.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	V.18.1	-	(2.234.667.764)
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.2	4.925.920.743.411	5.292.854.439.330
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.3	(5.366.459.027.889)	(5.352.804.265.839)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	VII.1	(54.526.819.500)	(51.937.819.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(495.065.103.978)	(96.812.313.773)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		(31.965.407.853)	(9.447.257.768)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	102.607.210.008	112.054.467.776
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	70.641.802.155	102.607.210.008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐÓ TIỀN DUNG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Thương mại – Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lãi suất cho vay của các ngân hàng giảm, đồng thời Nghị định 70/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành về việc giảm 50% lệ phí trước bạ cho các dòng xe lắp ra trong nước bắt đầu có hiệu lực thi hành đã dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Cấu trúc Công ty**Các Công ty con.**

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
2.	Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	94,38%	94,38%	94,38%	92,72%	92,72%	92,72%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
3. Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

331
CÔ
HMM
TỔ
IU
TP

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính Công ty có 524 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 511 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính (riêng) của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu

972
QT
MH
VAT
VV
HO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Tiền lương phải trả cho người lao động dựa vào hợp đồng lao động.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là xe ô tô, phụ tùng, ...

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô,...

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

15. Chi phí tài chính

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (riêng) (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.621.100.201	10.489.760.298
Tiền gửi ngân hàng	64.020.701.954	92.117.449.710
Cộng	70.641.802.155	102.607.210.008

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	59.864.903.474	90.498.261.297
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	59.516.000.000	88.794.778.037
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	348.903.474	1.703.483.260
Phải thu các khách hàng khác	84.270.802.582	203.832.303.915
Các khách hàng khác về tiền kinh doanh xe	84.270.802.582	203.832.303.915
Cộng	144.135.706.056	294.330.565.212

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	4.900.457.231	2.301.417.502
Công ty TNHH Sản xuất phim và Truyền thông Tín Vân	3.500.000.000	-
Công ty CP Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam – CN Hà Nội	171.288.000	466.641.000
Các nhà cung cấp khác	1.229.169.231	1.834.776.502
Cộng	4.900.457.231	2.301.417.502

3b. Trả trước cho người bán dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	4.332.000.080	5.235.672.058
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	4.332.000.080	5.235.672.058
Cộng	4.332.000.080	5.235.672.058

(*) Là khoản ứng trước tiền thuê mặt bằng theo Hợp đồng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05/07/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan		-	272.507.232	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	-	-	272.507.232	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	151.437.974.531	-	182.417.298.995	-
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam ^(*)	150.412.089.825	-	180.189.753.146	-
Các đối tượng khác	1.025.884.706	-	2.227.545.849	-
Cộng	151.437.974.531	-	182.689.806.227	-

(*) Là khoản phải thu về tiền thưởng do Công ty đạt về các chỉ tiêu bán xe.

4b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ dài hạn.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	676.119.655	-	676.119.655	-
Công ty Cổ phần Minh Thắng	447.577.960	-	447.577.960	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng PVV Sài Gòn	105.454.400	-	105.454.400	-
Bà Nguyễn Thị Đình Chiến	45.350.000	-	45.350.000	-
Bà Võ Thị Thu Phương	42.692.000	-	42.692.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba	35.045.295	-	35.045.295	-
Cộng	676.119.655	-	676.119.655	-

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(676.119.655)	(676.119.655)
Trích lập dự phòng	-	-
Xoá nợ	-	-
Số cuối năm	(676.119.655)	(676.119.655)

6. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	67.620.165.609	(1.050.591.370)	63.690.907.917	(1.050.591.370)
Công cụ, dụng cụ	272.243.092	-	272.038.737	-
Chi phí SXKD dở dang ⁽²⁾	10.584.216.216	-	18.520.600.615	-
Hàng hóa ⁽³⁾	458.131.688.425	-	624.185.688.264	-
Cộng	536.608.313.342	(1.050.591.370)	706.669.235.533	(1.050.591.370)

(1) Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là phụ tùng xe ô tô.

(2) Là các khoản chi phí sửa chữa xe chưa hoàn thiện xong để giao khách hàng.

(3) Hàng hóa chủ yếu là xe ô tô. Trong đó hàng tồn kho đang thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 458.131.688.425 đồng (chi tiết xem thuyết minh tại mục V.17).

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn****Tình hình biến động:**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	3.966.546.339	3.195.960.260
- Tăng trong năm	11.101.698.184	13.443.000.711
- Phân bổ trong năm	(9.871.159.723)	(12.672.414.632)
Số cuối năm	5.197.084.800	3.966.546.339

Chi tiết cuối năm:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	552.814.664	698.207.004
Phí bảo hiểm cháy nổ	359.332.639	420.496.425
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.284.937.497	2.847.842.910
Cộng	5.197.084.800	3.966.546.339

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình biến động

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	3.598.738.116	3.640.833.275
- Tăng trong năm	2.981.346.704	3.943.242.400
- Phân bổ trong năm	(3.301.464.815)	(3.985.337.559)
Số cuối năm	3.278.620.005	3.598.738.116

Chi tiết cuối năm

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	365.824.303	130.782.538
Công cụ dụng cụ	1.230.119.802	2.223.821.593
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.682.675.899	1.244.133.985
Cộng	3.278.620.005	3.598.738.116

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	5.837.359.369	17.483.776.169
Tăng trong năm	-	-	298.000.000	298.000.000
- Mua trong năm	-	-	298.000.000	298.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.135.359.369	17.781.776.169
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	734.799.480	734.799.480
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	680.744.457	3.138.971.774	3.819.716.231
Tăng trong năm	-	55.951.596	958.593.045	1.014.544.641
- Khấu hao trong năm	-	55.951.596	958.593.045	1.014.544.641
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	736.696.053	4.097.564.819	4.834.260.872
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.116.835.543	2.698.387.595	13.664.059.938
Số cuối năm	8.848.836.800	2.060.883.947	2.037.794.550	12.947.515.297

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 10.909.720.751 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương (xem tại thuyết minh mục V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. Đầu tư tài chính dài hạn

Là các khoản đầu tư vào công ty con. Chi tiết gồm:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ ⁽¹⁾	34.242.280.000	15.856.501.286 (18.385.778.714)		34.242.280.000	14.098.617.333 (20.143.662.667)	
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM ⁽²⁾	95.094.629.500	95.094.629.500	-	94.395.559.500	94.395.559.500	-
Cộng	129.336.909.500	110.951.130.786 (18.385.778.714)		128.637.839.500	108.494.176.833 (20.143.662.667)	

(1) Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là cho thuê mặt bằng và sửa chữa xe Ô tô. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 85,89% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 85,89%).

(2) Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là cho thuê xe Ô tô hiệu Mercedes-Benz. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là 94,38% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 92,72%).

(*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch trên sàn Upcom, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
+ Doanh thu bán phụ tùng và máy móc	1.641.596.725	2.457.411.406
+ Chi phí thuê mặt bằng và dịch vụ khác	454.545.454	-
+ Doanh thu cho thuê xe và thiết bị	123.992.398	129.062.850
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM		
+ Doanh thu bán xe	115.351.818.182	194.044.554.555
+ Doanh thu cho thuê xe	746.896.969	155.159.629
+ Mua xe	69.972.727.273	98.139.840.908
+ Chi phí thuê mặt bằng	3.818.181.816	3.818.181.816
+ Chi phí thuê xe	335.907.574	245.102.640
+ Doanh thu sửa chữa, bảo dưỡng xe	103.219.126	30.162.815

11. Phải trả người bán ngắn hạn

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	456.072.907	742.516.129
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	356.072.907	742.516.129
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	100.000.000	-
Phải trả nhà cung cấp khác	37.664.382.584	109.442.865.880
Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	19.544.422.683	97.070.668.643
Công ty Cổ phần Viện Máy và Dụng Cụ Công Nghiệp	5.970.164.224	5.233.334.183
Các nhà cung cấp khác	12.149.795.677	7.138.863.054
Cộng	38.120.455.491	110.185.382.009

11b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong năm.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		-
Phải trả nhà cung cấp khác	71.020.437.695	72.886.775.365
Người mua trả trước tiền mua xe ô tô	66.344.020.706	70.016.964.370
Người mua trả trước tiền sửa chữa và dịch vụ khác	4.676.416.989	2.869.810.995
Cộng	71.020.437.695	72.886.775.365

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong năm.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	57.253.466.254	(43.648.943.834)	-	13.604.522.420
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.238.875.547	31.628.122.069	(23.669.993.840)	-	10.197.003.776
Thuế thu nhập cá nhân	-	325.961.145	5.504.454.163	(5.809.210.684)	-	21.204.624
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	291.665.348	-	93.245.462	(16.313.856)	214.733.742	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	291.665.348	2.564.836.692	94.484.287.948	(73.149.462.214)	214.733.742	23.822.730.820

13a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

13b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	157.466.548.278	72.469.790.510
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	674.062.069	571.729.485
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	674.062.069	571.729.485
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Thu nhập chịu thuế	158.140.610.347	73.041.519.995
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	158.140.610.347	73.041.519.995
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	31.628.122.069	14.608.303.999
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>31.628.122.069</u>	<u>14.608.303.999</u>

14. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương, các khoản thưởng trích theo lương phải trả cho cán bộ công nhân viên Công ty.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là khoản trích trước chi phí bảo hiểm vật chất xe các loại

16. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Bên liên quan</i>	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	5.082.088.389	3.245.474.904
Cổ tức phải trả	1.110.034.200	721.660.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.972.054.189	2.523.814.704
Cộng	5.082.088.389	3.245.474.904

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong năm.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	490.975.875.591	490.975.875.591	931.514.160.069	931.514.160.069
+ Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ⁽¹⁾	100.293.045.381	100.293.045.381	383.027.309.866	383.027.309.866
+ Ngân hàng TNHH Standard Chartered Việt Nam ⁽²⁾	-	-	129.617.421.376	129.617.421.376
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽³⁾	198.638.809.317	198.638.809.317	177.968.599.520	177.968.599.520
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽⁴⁾	192.044.020.893	192.044.020.893	240.900.829.307	240.900.829.307
Cộng	490.975.875.591	490.975.875.591	931.514.160.069	931.514.160.069

Các khoản vay được thế chấp bởi giá trị hàng tồn kho và giá trị còn lại tài sản cố định vô hình với số tiền lần lượt tương ứng là 458.131.688.425 đồng và 10.909.720.751 đồng.

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng khế ước nhận nợ.

⁽²⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH Standard Chartered Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽³⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng lần nhận nợ.

⁽⁴⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn..

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	931.514.160.069	4.925.920.743.411	(5.366.459.027.889)	490.975.875.591
Cộng	931.514.160.069	4.925.920.743.411	(5.366.459.027.889)	490.975.875.591

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	83.528.340.000	22,73%	83.528.340.000	22,73%
- Bà Vũ Thị Hạnh	64.530.960.000	17,56%	54.530.960.000	14,84%
- Các cổ đông khác	219.384.690.000	59,71%	229.384.690.000	62,43%
Cộng	367.443.990.000	100,00	367.443.990.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2020.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	367.443.990.000	367.443.990.000	-
Cộng	367.443.990.000	367.443.990.000	-

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	367.443.990.000	350.133.990.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	17.310.000.000
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	367.443.990.000	367.443.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích (bằng tiền)	(54.915.193.500)	(52.318.693.500)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(54.526.819.500)	(51.937.819.500)

18d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	36.744.399	36.744.399
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.744.399	36.744.399
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(134.270)	(134.270)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(134.270)	(134.270)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.610.129	36.610.129
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.610.129	36.610.129
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

18e. Cổ tức

Cổ tức được chia theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hàng năm. Cổ tức Năm nay được chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 03 năm 2020.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố và đã chia trong năm	54.915.193.500	52.318.693.500
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	54.915.193.500	52.318.693.500
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

18f. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	120.483.593.895	114.940.800.884
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	125.838.426.209	57.861.486.511
Phân phối trong năm:	-	-
- Tăng vốn chủ sở hữu	-	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền	(54.915.193.500)	(52.318.693.500)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	191.406.826.604	120.483.593.895

Lợi nhuận phân phối trong kỳ, Công ty căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 03 năm 2020.

VI. KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Chi tiết	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh xe	5.167.892.730.383	4.860.862.620.641
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	366.690.781.933	360.960.730.672
Doanh thu hoạt động khác	4.060.692.962	3.809.029.173
Cộng	5.538.644.205.278	5.225.632.380.486

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con trình bày ở thuyết minh số V.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 CHỖ CHỮ TỰ VIỆT
 5/20

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 11/20

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh xe	4.906.209.998.435	4.734.925.001.115
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	313.106.458.305	290.325.660.385
Giá vốn hoạt động khác	1.988.611.863	2.285.417.505
Cộng	<u>5.221.305.068.603</u>	<u>5.027.536.079.005</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	495.121.068	264.419.158
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.276.432.462	-
Cộng	<u>2.771.553.530</u>	<u>264.419.158</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	40.432.501.647	54.971.252.329
- Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.641.663.065	8.644.199.327
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(4.399.547.018)	(6.024.897.220)
- Chi phí tài chính khác	75.906.360	6.916.156
Cộng	<u>38.750.524.054</u>	<u>57.597.470.592</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	41.089.968.207	39.059.196.672
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.050.242.388	19.358.388.053
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	22.402.346.551	26.310.534.645
- Các chi phí khác	27.713.318.480	27.961.433.718
Cộng	<u>110.255.875.626</u>	<u>112.689.553.088</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	26.620.502.298	22.875.227.028
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.022.544.142	3.355.968.948
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.245.860.228	4.370.517.214
- Các chi phí khác	7.823.588.916	10.306.343.516
Cộng	<u>41.712.495.584</u>	<u>40.908.056.706</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	13.823.553.750	10.044.147.032
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	329.992.054.548	377.177.817.394
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định	(316.168.500.798)	(367.133.670.362)
- Thu nhập từ tiền hỗ trợ của Mercedes – Benz Việt Nam	7.225.207.405	73.048.983.675
- Thu nhập khác	7.248.888.092	2.431.735.279
Cộng	<u>28.297.649.247</u>	<u>85.524.865.986</u>

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.005.843.829	182.937.546.385
- Chi phí nhân công	100.067.514.335	93.054.999.640
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.098.965.281	27.816.891.936
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.270.005.751	50.984.656.295
- Chi phí khác	44.328.155.799	48.284.568.345
Cộng	<u>380.770.484.995</u>	<u>403.078.662.601</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền khác

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch cho hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, loại trừ các khoản phải thu, phải trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức đã trả	(54.526.819.500)	(51.937.819.500)

2. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường tại các ngân hàng	4.925.920.743.411	5.292.854.439.330
Tiền thu từ đi vay của các cá nhân	-	-
Cộng	<u>4.925.920.743.411</u>	<u>5.292.854.439.330</u>

3. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường tại các ngân hàng	(5.366.459.027.889)	(5.352.804.265.839)
Tiền trả nợ vay của các cá nhân	-	-
Cộng	(5.366.459.027.889)	(5.352.804.265.839)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (riêng) cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (riêng) cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*)

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Lương và thu nhập khác	5.246.722.000	5.329.780.770
- Cổ tức (bằng tiền)	22.636.400.025	22.183.250.025
- Số lượng cổ phiếu nhận được (cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu)	-	-
Cộng	27.883.122.025	27.513.030.795

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.10, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2, V.4a, V.5, V.11, V.14.

4. Báo cáo theo bộ phận

4a. Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

<u>Năm nay</u>	<u>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</u>	<u>Giá vốn hàng bán</u>	<u>Lãi gộp</u>
- Doanh thu kinh doanh xe	5.167.892.730.383	4.906.209.998.435	261.682.731.948
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	366.690.781.933	313.106.458.305	53.584.323.628
- Doanh thu hoạt động khác	4.060.692.962	1.988.611.863	2.072.081.099
Cộng	5.538.644.205.278	5.221.305.068.603	317.339.136.675
<hr/>			
<u>Năm trước</u>			
- Doanh thu kinh doanh xe	4.860.862.620.641	4.734.925.001.115	125.937.619.526
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	360.960.730.672	290.325.660.385	70.635.070.287
- Doanh thu hoạt động khác	3.809.029.173	2.285.417.505	1.523.611.668
Cộng	5.225.632.380.486	5.027.536.079.005	198.096.301.481

4b. Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp hàng tồn kho và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.6; V.8 và V.9). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 469.041.409.176 VND (số đầu năm là 818.774.202.248 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (riêng) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021.

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tổng Giám đốc



ĐỖ TIÊN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HANG XANH
 Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHỤ LỤC SỐ 01: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	58.688.930.636	27.397.009.283	156.629.806.602	4.387.852.495	1.971.565.464	249.075.164.480
2. Tăng trong năm	916.388.038	1.027.662.000	307.428.299.360	-	139.636.000	309.511.985.398
- Tăng do Mua sắm	799.193.038	1.027.662.000	307.428.299.360	-	139.636.000	309.394.790.398
- Tăng khác (*)	117.195.000	-	-	-	-	117.195.000
3. Giảm trong năm	-	(117.194.910)	(331.818.639.714)	-	-	(331.935.834.624)
- Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	-	(331.818.639.714)	-	-	(331.818.639.714)
- Giảm khác (*)	-	(117.194.910)	-	-	-	(117.194.910)
4. Số dư cuối năm	59.605.318.674	28.307.476.373	132.239.466.248	4.387.852.495	2.111.201.464	226.651.315.254
Trong đó: Tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là	23.057.033.864	12.807.954.047	536.820.328	2.269.464.858	1.971.565.464	40.642.838.561
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	35.264.836.463	18.746.918.610	6.391.234.936	3.234.260.883	1.912.861.700	65.550.112.592
2. Tăng trong năm	5.702.513.884	3.031.208.422	16.202.543.386	565.018.541	66.462.063	25.567.746.296
- Khấu hao trong năm	5.702.513.884	3.031.208.422	16.202.543.386	565.018.541	64.319.841	25.565.604.074
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	2.142.222	2.142.222
3. Giảm trong năm	-	(2.142.222)	(15.650.138.916)	-	-	(15.652.281.138)
- Giảm do thanh lý	-	-	(15.650.138.916)	-	-	(15.650.138.916)
- Giảm do phân loại lại	-	(2.142.222)	-	-	-	(2.142.222)
6. Số dư cuối năm	40.967.350.347	21.775.984.810	6.943.639.406	3.799.279.424	1.979.323.763	75.465.577.750
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	23.424.094.173	8.650.090.673	150.238.571.666	1.153.591.612	58.703.764	183.525.051.888
2. Tại ngày cuối năm	18.637.968.327	6.531.491.563	125.295.826.842	588.573.071	131.877.701	151.185.737.504

(*) Tăng, giảm khác trong năm là khoản phân loại lại TSCĐ hữu hình

Trong đó: giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để chấp tính cho các khoản vay ngân hàng (lại mục thuyết minh 17.15.01.01)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (riêng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

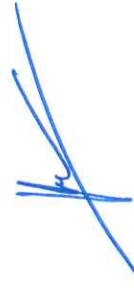
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
1. Số dư đầu năm trước	350.133.990.000	-	-	-	114.940.800.884	465.074.790.884
2. Tăng trong năm trước	17.310.000.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	-	57.861.486.511	72.906.818.747
- Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu (*)	17.310.000.000	-	-	-	-	17.310.000.000
- Tăng trong năm	-	(30.000.000)	-	-	-	(30.000.000)
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.234.667.764)	-	-	(2.234.667.764)
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	57.861.486.511	57.861.486.511
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(52.318.693.500)	(52.318.693.500)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(52.318.693.500)	(52.318.693.500)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	-	120.483.593.895	485.662.916.131
5. Tăng trong năm	-	-	-	-	125.838.426.209	125.838.426.209
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	125.838.426.209	125.838.426.209
6. Giảm trong năm	-	-	-	-	(54.915.193.500)	(54.915.193.500)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(54.915.193.500)	(54.915.193.500)
7. Số dư cuối năm	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	-	191.406.826.604	556.586.148.840

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2021.


 Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
 Giám đốc


 ĐỖ TIẾN DŨNG



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



2 . . . / 2 1 / B C K T / A U D - V V A L U E S